| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 04-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Giang Phước Thành.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Phan Văn Huy.
2. Ông Vũ Thanh Học.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà:*** Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST- DS, ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở: Số M, đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S. Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Kiên Giang.

Địa chỉ: đường Tr, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền ông Trương Q H, sinh năm 1993. Chức vụ: Tổ trưởng tổ KHCN PGD H- Chi nhánh Kiên Giang (Quyết định ủy quyền tham gia số 594/2019/QĐ-LPB.KG ngày 24/06/2019 của Ngân hàng TMCP B-chi nhánh Kiên Giang).

Địa chỉ: Số B, đường T, khu phố M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số B, đường V, khu phố M, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 11/4/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày*: Theo hợp đồng tín dụng số HD 0605051704870 ngày 05/5/2017 ký giữa ông Nguyễn Văn Q với Ngân hàng TMCP B. Ông Q vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay ban đầu 12,7%/năm, tài sản bảo đảm: tín chấp, gốc và lãi trả hàng kỳ, mỗi kỳ 1 tháng, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả gốc là 2.170.000đ, kỳ cuối trả gốc 1.970.000đ. Từ ngày 16/4/2018 đến nay ông Q không thanh toán cho Ngân hàng, ông Q còn nợ Ngân hàng gồm vốn gốc là 108.300.000 đồng, lãi trong hạn 746.000đ, lãi quá hạn 18.171.316đ, lãi phạt 7.883.367đ. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả cho Ngân hàng TMCP B khoản vay nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/11/2019 là 135.100.683đ đồng. Đồng thời yêu cầu ông Q phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng từ ngày 05/11/2019 cho đến khi hết nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành và tuân thủ theo quy định của các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quá trình tranh luận tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả nợ vay gồm vốn gốc là 108.300.000 đồng và lãi theo hợp đồng. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiện khởi kiện: Ngân hàng TMCP B có đơn khởi kiện ngày 11/4/2019 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q có địa chỉ: Số B, đường V, khu phố M, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, yêu cầu ông Q thanh toán nợ vay ngân hàng do vi phạm hợp đồng từ tháng 4/2018. Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, cũng

như trong quá trình xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP B với bị đơn ông Nguyễn Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp ông Q đều vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 14/10/2019 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 04/11/2019 theo quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 14/10/2019, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 05/5/2017 ông Nguyễn Văn Q ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD 0605051704870 giữa ông Nguyễn Văn Q với Ngân hàng TMCP B. Ông Q vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay ban đầu 12,7%/năm, tài sản bảo đảm: tín chấp, gốc và lại trả hàng kỳ, mỗi kỳ 1 tháng, 59 kỳ đầu mỗi kỳ trả gốc là 2.170.000đ, kỳ cuối trả gốc 1.970.000đ. Từ khi ký hợp đồng ông Q thanh toán đầy đủ gốc và lãi theo hợp đồng đến hết ngày 15/3/2018, từ ngày 16/3/2018 ông Q không thanh toán nữa. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP B, yêu cầu Tòa án buộc ông Q thanh toán các khoản tiền vay còn nợ theo hợp đồng, cụ thể:

- Lãi trong hạn là 746.000đ.

- Lãi suất phải trả hàng kỳ theo hợp đồng còn nợ, cụ thể: ngày 16/4/2018 nợ 1.197.655; ngày 15/5/2018 nợ 1.074.566đ; ngày 15/6/2018 nợ 1.136.918đ; ngày 16/7/2018 nợ 1.133.187đ; ngày 15/8/2018 nợ 1.054.312đ; ngày 15/9/2018 nợ 1.065.724đ; ngày 15/10/2018 nợ 1.008.380đ; ngày 15/11/2018 nợ 1.018.261đ; ngày 15/12/2018 nợ 962.448đ; ngày 15/01/2019 nợ 970.799đ; ngày 15/02/2019 nợ 947.067đ; ngày 15/3/2019 nợ 833.981đ; ngày 16/4/2019 nợ 928.624đ; ngày 15/5/2019 nợ 823.815đ; ngày 15/6/2019 nợ 865.561đ; ngày 15/7/2019 nợ 814.313đ; ngày 15/8/2019 nợ 817.351đ; ngày 16/9/2019 nợ 818.835đ; ngày 15/10/2019 nợ 719.519đ. Tổng tiền lãi nợ quá hạn là 18.171.316đ.

- Lãi phạt gốc, lãi suất là 18,750%, số tiền mỗi kỳ phải trả là 2.170.000đ: từ ngày 26/4/2018 đến ngày 04/11/2019 là 557 ngày, thành tiền lãi 629.526đ; từ ngày

15/5/2018 đến ngày 04/11/2019 là 538 ngày, thành tiền lãi 608.052đ; từ ngày 15/6/2018 đến ngày 04/11/2019 là 507 ngày, thành tiền lãi 573.016đ; từ ngày 16/7/2018 đến ngày 04/11/2019 là 476 ngày, thành tiền lãi 537.979đ; từ ngày 15/8/2018 đến ngày 04/11/2019 là 446 ngày, thành tiền lãi 504.073đ; từ ngày 15/9/2018 đến ngày 04/11/2019 là 415 ngày, thành tiền lãi 469.036đ; từ ngày 15/10/2018 đến ngày 04/11/2019 là 385 ngày, thành tiền lãi 435.130đ; từ ngày 15/11/2018 đến ngày 04/11/2019 là 354 ngày, thành tiền lãi 400.094đ; từ ngày 15/12/2018 đến ngày 04/11/2019 là 324 ngày, thành tiền lãi 366.187đ; từ ngày 15/01/2019 đến ngày 04/11/2019 là 293 ngày, thành tiền lãi 331.151đ; từ ngày 15/02/2019 đến ngày 04/11/2019 là 262 ngày, thành tiền lãi 296.115đ; từ ngày 15/3/2019 đến ngày 04/11/2019 là 234 ngày, thành tiền lãi 264.469đ; từ ngày 16/4/2019 đến ngày 04/11/2019 là 202 ngày, thành tiền lãi 228.302đ; từ ngày 15/5/2019 đến ngày 04/11/2019 là 173 ngày, thành tiền lãi 195.526đ; từ ngày 15/6/2019 đến ngày 04/11/2019 là 142 ngày, thành tiền lãi 160.490đ; từ ngày 15/7/2019 đến ngày 04/11/2019 là 112 ngày, thành tiền lãi 126.583đ; từ ngày 15/8/2019 đến ngày 04/11/2019 là 81 ngày, thành tiền lãi 91.547đ; từ ngày 16/9/2019 đến ngày 04/11/2019 là 49 ngày, thành tiền lãi 55.380đ; từ ngày 15/10/2019 đến ngày 04/11/2019 là 20 ngày, thành tiền lãi 22.604đ. Tổng tiền lãi là 6.295.260đ.

- Lãi phạt lãi, lãi suất là 10%: từ ngày 26/4/2018 đến ngày 04/11/2019 là 557 ngày, số tiền quá hạn 1.197.655đ, tiền lãi 185.304đ; từ ngày 15/5/2018 đến ngày 04/11/2019 là 538 ngày, số tiền quá hạn 1.074.566đ, tiền lãi 160.588đ; từ ngày 15/6/2018 đến ngày 04/11/2019 là 507 ngày, số tiền quá hạn 1.136.918đ, tiền lãi 160.116đ; từ ngày 16/7/2018 đến ngày 04/11/2019 là 476 ngày, số tiền quá hạn 1.113.187đ, tiền lãi 147.118đ; từ ngày 15/8/2018 đến ngày 04/11/2019 là 446 ngày, số tiền quá hạn 1.054.312đ, tiền lãi 130.618đ; từ ngày 15/9/2018 đến ngày 04/11/2019 là 415 ngày, số tiền quá hạn 1.065.724đ, tiền lãi 122.854đ; từ ngày 15/10/2018 đến ngày 04/11/2019 là 385 ngày, số tiền quá hạn 1.008.380đ, tiền lãi 107.841đ; từ ngày 15/11/2018 đến ngày 04/11/2019 là 354 ngày, số tiền quá hạn 1.018.261đ, tiền lãi 100.129đ; từ ngày 15/12/2018 đến ngày 04/11/2019 là 324 ngày, số tiền quá hạn 962.448đ, tiền lãi 86.620đ; từ ngày 15/01/2019 đến ngày 04/11/2019 là 293 ngày, số tiền quá hạn 970.799đ, tiền lãi 79.012đ; từ ngày 15/02/2019 đến ngày 04/11/2019 là 262 ngày, số tiền quá hạn 947.067đ, tiền lãi 68.925đ; từ ngày 15/3/2019 đến ngày 04/11/2019 là 234 ngày, số tiền quá hạn 833.981đ, tiền lãi 54.209đ; từ ngày 16/4/2019 đến ngày 04/11/2019 là 202 ngày, số tiền quá hạn 928.624đ, tiền lãi 52.106đ; từ ngày 15/5/2019 đến ngày 04/11/2019 là 173 ngày, số tiền quá hạn 823.815đ, tiền lãi 39.589đ; từ ngày 15/6/2019 đến ngày

04/11/2019 là 142 ngày, số tiền quá hạn 865.561đ, tiền lãi 34.142đ; từ ngày 15/7/2019 đến ngày 04/11/2019 là 112 ngày, số tiền quá hạn 814.313đ, tiền lãi 25.334đ; từ ngày 15/8/2019 đến ngày 04/11/2019 là 81 ngày, số tiền quá hạn 817.351đ, tiền lãi 18.390đ; từ ngày 16/9/2019 đến ngày 04/11/2019 là 49 ngày, số tiền quá hạn 818.835đ, tiền lãi 11.145đ; từ ngày 15/10/2019 đến ngày 04/11/2019 là 20 ngày, số tiền quá hạn 719.519đ, tiền lãi 3.997đ. Tổng tiền lãi là 1.588.107đ.

Tổng cộng hai khoản tiền lãi phạt gốc và lãi phạt lãi là 7.883.367đ.

- Số dư nợ (tiền vốn gốc) là 108.300.000đ.

Tổng cộng tiền vốn gốc và các khoản lãi theo hợp đồng ông Q phải trả đến ngày 04/11/2019 là 135.100.683đ.

[4] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q vắng mặt tại nơi cư trú. Tại biên bản xác minh ngày 19/6/2019 Ban lãnh đạo khu phố M, phường P, thành phố H cung cấp ông Nguyễn Văn Q có đăng ký thường trú tại khu phố M, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Ông Nguyễn Văn Q hiện nay không có mặt ở địa phương, đã bỏ đi từ tháng 9/2018 đến nay không thấy về. Tại biên bản xác minh bà Nguyễn Kim L (mẹ vợ ông Q) cung cấp: Ông Q đã bỏ đi từ tháng 9/2018 đến nay không về. Ông Q đi đâu làm gì bà không rõ. Tại biên bản xác minh Ban giám hiệu trường THCS Đ1 là nơi làm việc của ông Nguyễn Văn Q cung cấp: Ông Nguyễn Văn Q làm việc tại trường THCS Đ1 từ năm 2008 đến năm 2018. Ông Nguyễn Văn Q đã tự ý bỏ việc khoảng tháng 4/2018 và đã có quyết định thôi việc nhưng chưa thấy ông Q về nhận. Từ khi ông Q nghĩ việc đến nay trường không liên hệ được với ông Q và cũng không biết ông Q giờ đang ở đâu làm gì. Mức lương của ông Q trước khi nghỉ việc là 5.644.600 đồng chưa trừ bảo hiểm. Việc trường ký xác nhận với lý do ông Q đang công tác tại trường. Về khoản nợ ông Q ở Ngân hàng TMCP B trường chỉ hỗ trợ cung cấp thông tin nếu Ngân hàng và cơ quan có thẩm quyền cần. Sổ bảo hiểm của ông Nguyễn Văn Q hiện trường không giữ.

[5] Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Căn cứ quy định tại các Điều 429, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng. Nghị cần buộc ông Q phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc và lãi là 135.100.683đ. Đồng thời ông Q phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng từ ngày 05/11/2019 cho đến khi thi hành xong.

[6] Ghi nhận ý kiến của Ngân hàng TMCP B không yêu cầu đưa vợ ông Nguyễn Văn Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch 5% trên số tiền phải thi hành.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 429, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền là 135.100.683đ (Một trăm ba mươi lăm triệu một trăm ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó số tiền nợ vốn gốc là 108.300.000đ, lãi trong hạn là 746.000đ, lãi quá hạn 18.171.316đ, lãi phạt 7.883.367đ. Ông Q còn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng từ ngày 05/11/2019 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.755.034đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn không trăm ba mươi bốn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.147.075 (Ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0009016 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Giang Phước Thành**